

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/LĐ-ST

Ngày: 07-8-2024

"V/v tranh chấp về tiền lương
và bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Nguyễn Thị Rạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 96/2023/TLST-LĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Công ty cổ phần A.

Trụ sở: Số A H, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trọng N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số C L, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P – Chức vụ: Giám đốc.

2. Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Ô, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc.

(Ông C có mặt, Công ty A, Bảo hiểm xã hội huyện Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày như sau:

Vào năm 2019, ông C vào làm công nhân tại Công ty cổ phần A theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa hai bên, ông có tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ bảo hiểm 7914114116, mức lương đóng bảo hiểm xã hội năm 2019 là 4.786.000 đồng. Quá trình làm việc, hàng tháng Công ty có trích tiền lương của ông để đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Đến tháng 02/2023 thì ông nghỉ việc. Khi ông làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội thì được biết Công ty còn nợ tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2023 với số tiền là 47.990.178 đồng.

Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần A đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2023 với số tiền là 30.764.800 đồng. Ngày 11/6/2024, ông C có đơn khởi kiện bổ sung, ông yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần A đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2023 với tổng số tiền là 47.990.178 đồng, do công ty chậm đóng bảo hiểm xã hội nên phải chịu lãi chậm đóng theo mức lãi suất của Luật Bảo hiểm xã hội quy định; Yêu cầu Công ty cổ phần A H1 trả cho ông C 01 tháng lương của tháng 02/2023 là 10.500.000 đồng. Tại phiên tòa, ông C rút lại yêu cầu Công ty cổ phần A bồi thường cho ông C chi phí đi lại trong việc khởi kiện tại Tòa án với số tiền là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, ông C không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không cung cấp cho Tòa án ý kiến, lời trình bày gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội A, thành phố Hồ Chí Minh có văn bản trình bày:

Theo công văn phúc đáp số 400/BHXH ngày 04/3/2024 của Bảo hiểm xã hội A: Căn cứ dữ liệu tại cơ quan Bảo hiểm xã hội A, Công ty cổ phần A đã đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Trần Văn C từ tháng 02/2019 đến tháng 7/2022, số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN theo số sổ bảo hiểm là 7914114116 mà Công ty A còn phải đóng cho ông C trong tháng 02/2024 là 36.346.894 đồng. Số tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN này chưa bao gồm tiền lãi phát sinh từ tháng 02/2024 đến thời điểm Công ty A H1 đóng đủ tiền.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện Đ, tỉnh Long An có văn bản trình bày:

Theo công văn phúc đáp số 789/BHXH-BHĐHA ngày 08/5/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Đ: Căn cứ trên cơ sở dữ liệu quản lý của Bảo hiểm xã hội, ông Trần Văn C số sổ bảo hiểm 7914114116 có quá trình tham gia từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 tại Công ty cổ phần A. Tính đến thời điểm ngày 08/5/2024, số tiền phải đóng để xác nhận sổ đến thời điểm giảm hẳn cho ông C là 11.643.284 đồng (trong đó tiền chậm đóng là 10.410.551 đồng, tiền lãi chậm đóng là 1.232.733 đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48, Điều 96 Bộ Luật lao động; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 86, Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần A H1 trả cho ông C 01 tháng lương của tháng 02/2023 là 10.500.000 đồng, đóng bảo hiểm xã hội cho ông Trần Văn C theo số sổ bảo hiểm 7914114116 số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Bảo hiểm xã hội A từ tháng 02/2019 đến tháng 7/2022, số tiền chậm đóng tính đến tháng 02/2024 là 36.346.894 đồng, đóng bảo hiểm xã hội cho ông Trần Văn C số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Bảo hiểm xã hội huyện Đ từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 tính đến tháng 5/2024 là 11.643.284 đồng (trong đó tiền chậm đóng là 10.410.551 đồng, tiền lãi chậm đóng là 1.232.733 đồng), buộc Công ty cổ phần A tiếp tục chịu lãi kể từ tháng 02/2024 đối với số tiền chậm đóng tại B và từ tháng 6/2024 đối với số tiền chậm đóng tại BHXH huyện Đ cho đến khi đóng đủ tiền bảo hiểm xã hội cho ông C theo mức lãi suất do Bảo hiểm xã hội quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu buộc Công ty cổ phần A trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội cho ông và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn Công ty cổ phần A có

chi nhánh tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty cổ phần A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bảo hiểm xã hội A, bảo hiểm xã hội huyện Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn C yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần A trả tiền lương cho ông C, thấy rằng:

Giữa Công ty cổ phần A và ông Trần Văn C có ký kết hợp đồng lao động. Việc hai bên ký kết hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 13, 20, 23, khoản 1 Điều 168 của Bộ luật lao động. Do đó, Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông C và Công ty A là có hiệu lực pháp luật. ông C làm việc tại Công ty A đến hết tháng 02/2023 thì nghỉ việc, tuy nhiên Công ty A chưa thanh toán tiền lương tháng 02/2023 cho ông C, do đó ông C khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán tiền lương tháng 02/2023 cho ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 48, Điều 96 Bộ Luật lao động.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn C yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần A đóng bảo hiểm xã hội cho ông C, thấy rằng:

[2.2.1] Do Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Trần Văn C và Công ty A có hiệu lực pháp luật, theo đó người sử dụng lao động và người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, ông C vào làm việc tại Công ty A. Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông C với số sổ bảo hiểm là 7914114116. Hàng tháng, Công ty vẫn trích lương của ông C để đóng bảo hiểm xã hội nhưng Công ty vẫn còn nợ tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2023.

[2.2.2] Căn cứ theo công văn phúc đáp số 400/BHXXH ngày 04/3/2024 của Bảo hiểm xã hội A và công văn số 789/BHXXH-BHĐHA ngày 08/5/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Đ thì ông Trần Văn C, số sổ bảo hiểm 7914114116 có quá trình tham gia từ tháng 02/2019 đến tháng 02/2023. Tính đến thời điểm tháng 02/2024, số tiền phải đóng để xác nhận sổ đến thời điểm giảm hẳn cho ông C tại bảo hiểm xã hội A là 36.346.894 đồng và tại bảo hiểm xã hội huyện Đ tính đến tháng 5/2024 là 11.643.284 đồng (trong đó tiền chậm đóng là

10.410.551 đồng, tiền lãi chậm đóng là 1.232.733 đồng). Do đó, ông C khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần A phải đóng số tiền bảo hiểm xã hội cho ông C là hoàn toàn phù hợp với Điều 48 Bộ luật lao động, Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, 89 Luật bảo hiểm xã hội.

[2.3] Về tiền lãi chậm đóng: Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội “Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng...” và tại Điều 37 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của B1 quy định cách tính lãi chậm đóng như sau “Đơn vị chậm đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN từ 30 ngày trở lên thì phải đóng số tiền lãi tính trên số tiền BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN chưa đóng”. Theo các văn bản phúc đáp của Bảo hiểm xã hội A và bảo hiểm xã hội huyện Đ cung cấp thông tin số tiền chậm đóng tính đến thời điểm tháng 02/2024 và tháng 5/2024, chưa bao gồm tiền lãi phát sinh đến thời điểm Công ty A H1 đóng đủ tiền. Xét thấy, hàng tháng Công ty cổ phần A vẫn trích lương của ông C nhưng không đóng bảo hiểm xã hội cho ông C là lỗi của Công ty A, do đó cần buộc Công ty cổ phần A có trách nhiệm tiếp tục chịu lãi chậm đóng cho đến khi đóng đủ tiền Bảo hiểm xã hội của ông C theo mức lãi do Luật bảo hiểm xã hội quy định.

[2.4] Tại phiên tòa, ông C rút lại yêu cầu Công ty cổ phần A bồi thường cho ông C chi phí đi lại trong việc khởi kiện tại Tòa án với số tiền là 5.000.000đồng. Xét thấy, việc ông C rút lại yêu cầu là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn Công ty cổ phần A phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 20, Điều 23, Điều 48, Điều 96, Điều 168 của Bộ luật lao động; Điều 17,

Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89, Điều 122 của Luật bảo hiểm xã hội; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc “*Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội*” với Công ty cổ phần A.

1. Buộc Công ty cổ phần A phải thanh toán cho ông Trần Văn C 01 tháng lương của tháng 02/2023 là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Buộc Công ty cổ phần A phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông Trần Văn C theo số sổ Bảo hiểm xã hội 7914114116, số tiền chậm đóng tại Bảo hiểm xã hội A từ tháng 02/2019 đến tháng 7/2022 tính đến tháng 02/2024 là 36.346.894 đồng, số tiền chậm đóng tại Bảo hiểm xã hội huyện Đ từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 tính đến tháng 5/2024 là 11.643.284 đồng (trong đó tiền chậm đóng là 10.410.551 đồng, tiền lãi chậm đóng là 1.232.733 đồng).

4. Công ty cổ phần A còn phải tiếp tục chịu lãi kể từ tháng 02/2024 đối với số tiền chậm đóng tại bảo hiểm xã hội A và từ tháng 6/2024 đối với số tiền chậm đóng tại bảo hiểm xã hội huyện Đ cho đến khi đóng đủ tiền bảo hiểm xã hội cho ông C theo mức lãi suất do Bảo hiểm xã hội quy định.

5. Đình chỉ đối với yêu cầu Công ty cổ phần A bồi thường cho ông C chi phí đi lại trong việc khởi kiện tại Tòa án với số tiền là 5.000.000 đồng.

6. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần A phải chịu 1.754.705 (Một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ năm đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thắm